

PHẬT GIÁO VỚI KINH TẾ: XƯA VÀ NAY

NGUYỄN DUY HINH^(*)

Con người phải ăn, không ăn thì chết. Khi Thái tử Tất Đạt Đa ngồi thiền trong Tuyết Sơn cũng phải ăn, dù mỗi ngày chỉ một hạt vừng. Ăn mỗi ngày một hạt vừng tất chết vì không đủ năng lượng duy trì cơ thể dù ở tình trạng tĩnh tuyệt đối. Thái tử nhận thấy cái chết cận kề và bỗng giác ra rằng đó không phải là cách tìm ra chân lí mà chỉ là cách tìm ra cái chết thanh tịnh thuần khiết cao thượng. Thế là, Thái tử đứng dậy trước sự ngạc nhiên phẫn nộ của 5 đồ đệ. Nàng chăn bò Nan Da dâng bát sữa, Thái tử uống và hồi phục sức khỏe đến ngồi dưới gốc cây Bồ đề trầm tư cuối cùng đại giác. Nếu không ăn sẽ không có Thích Ca Mâu Ni.

Dù là một hạt vừng hay một bát sữa cũng là sản phẩm kinh tế do con người đổ sức lao động ra sản xuất hay hái lượm trong tự nhiên, đều là kết quả kinh tế. Thích Ca Mâu Ni không hề sản xuất ra một hạt vừng, một bát sữa. Học thuyết của ngài chủ trương khát thực chứ không sản xuất. Từ Phạm Bhiksu, Hán phiên âm Tì kheo, dịch Khất sĩ. *Tứ Phần luật* quy định Tì kheo hằng ngày mang bát đi khát thực và chỉ ăn một bữa đúng Ngọ, trước và sau Ngọ đều không được ăn. Khất thực ngày nào ăn ngày ấy, không được lưu lại ngày sau dù một hạt muối. Thích Ca Mâu Ni dẫn một đoàn đệ tử, thường thấy trong kinh sách ghi là 500 người. Kinh sách ghi lại việc các vương tôn, phú thương mời cơm Thích Ca và đồ đệ. Kinh sách cũng viết Thích Ca cùng A

Nan, Ca Diếp đi khát thực. Người nào tìm hiểu Phật giáo đều biết chủ trương khát thực của Phật giáo. Dưới con mắt của Max Weber (1864-1920), khát thực là một chủ nghĩa phi kinh tế, không đem lại một phát triển kinh tế nào. Đúng vậy, nhưng Phật giáo không phải học thuyết kinh tế. Trí tuệ nhân loại đâu chỉ có cái ăn vật chất. Những nhà triết học đồng bào của Max Weber như I. Kant (1724-1804), F. Hegel (1770-1831) nổi tiếng không phải về học thuyết ăn vật chất mà về học thuyết ăn tinh thần. Thích Ca Mâu Ni là một triết gia luận bàn về cái ăn tinh thần biểu hiện thành tôn giáo.

Dù vậy hãy thử nghiên cứu xem chủ nghĩa khát thực có ý nghĩa triết học, kinh tế học như thế nào? Khất thực có 3 mục đích:

Một, không phạm tội Dục về tham ăn. Về ăn thì không quá tham ăn mà cũng không quá khổ hạnh hành xác. Đó là tư tưởng Trung đạo mà Thích Ca Mâu Ni đã thuyết pháp lần thứ nhất ở Vườn Hươu. Đó là tư tưởng giải khổ hạnh đầu tiên của Thích Ca Mâu Ni so với tư tưởng khổ hạnh ép xác trong truyền thống tôn giáo Ấn Độ.

Hai, không cho phép hình thành tư hữu tài sản, cái Nghiệp khiến con người bị đày đọa luân hồi.

Ba, nhận bố thí của người đời để giúp họ thoát Nghiệp.

Khoảng 100 năm sau khi Thích Ca

*. PGS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo

nhập diệt tình hình đã khác. Kiệt tập lần thứ hai giải quyết mâu thuẫn tập đoàn Tăng già Tây và Đông Ấn Độ. Tranh luận Thập sự xung quanh vấn đề giới luật mà tư tưởng chỉ đạo là giải khổ hạnh lần thứ hai. Nói rộng giới luật cho phép khát sĩ được nhận bố thí bằng tiền bạc thay vì thực phẩm, được lưu lại thực phẩm như muối cho ngày hôm sau, được ăn sau Ngọ,... Tì kheo có thể có tư hữu tài sản. Đó là mầm mống của tư tưởng Đại Thừa.

Khi Phật giáo du nhập vào Trung Hoa, triều đình phong kiến xây chùa, nuôi dưỡng các nhà sư để dịch kinh, giảng đạo. Tôi chưa thấy một tư liệu nào nói các nhà sư thời Hán - Đường đi khát thực. Đến khi xuất hiện Nông thiên, Thiên sư Bách Trượng Hoài Hải (720-814) chủ trương “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”, tức cái gọi là *Bách Trượng thanh quy*. Đây là dấu hiệu đầu tiên cho thấy Tì kheo từ bỏ nguyên tắc khát thực chuyển sang hoạt động kinh tế tự túc. Thực tế, Tăng già Trung Quốc cơ bản được chính quyền phong kiến xây dựng tịnh xá cho ở và cung cấp lương thực, không đi khát thực hằng ngày. Nếu có tăng đi khắp nơi thì đó là du phương tâm sư, học đạo chứ không phải khát thực. Còn về sau, tình hình Tăng già Trung Quốc phát triển thành những tự viện giàu có như Thiếu Lâm Tự chẳng hạn. Ngày nay, Thiếu Lâm Tự đã trở thành một công ti hoạt động kinh tế có thương hiệu trên Internet. Tuy nhiên, đóng góp của nhân dân vẫn là nguồn kinh tế chính thức để xây dựng chùa tháp, đúc chuông, tô tượng, mở trường, mở hội,... Nhưng sự xuất hiện các đại điền trang Phật giáo Trung Quốc trong thời Đường và sớm hơn lại không phải là một hiện tượng kinh tế quy mô lớn do Phật giáo đem lại. Chế độ trang viên đã hình thành trước đó trên cơ sở các môn phiệt quan lại phong kiến.

Tình hình Việt Nam lại khác, khi Phật giáo phát triển đến thế kỉ XI mới xuất hiện các điền trang Phật giáo. Tình hình phát triển điền trang Phật giáo Việt Nam phản ánh trong việc năm 1088 vua Lý Nhân Tông xuống chiếu phân chia chùa chiền trong nước thành 3 loại: đại danh lam, trung danh lam và tiểu danh lam, cho quan văn chức cao kiêm làm đề cử, vì bấy giờ nhà chùa có nhiều điền nô và đồ vật chứa trong kho. Các chùa có tài sản lớn, lắm ruộng đất và Tam bảo nô còn thấy trong thời Trần như trường hợp chùa Quỳnh Lâm.

Trong thời Trần, bên cạnh các điền trang Phật giáo đã xuất hiện các điền trang quý tộc Trần khai hoang lập ấp. Quý tộc Trần thường cúng vào chùa hàng trăm mẫu ruộng. Phật giáo Việt Nam đã thực tế làm kinh tế và đưa ra hình thức tổ chức sản xuất đại quy mô trong biển sản xuất tiểu nông. Đó là một bước phát triển mới từ khát thực đến tự túc đến kinh doanh kinh tế nông nghiệp. Tuy nhiên, điền trang Phật giáo trở thành nguy cơ suy vong của nhà Trần: đình tráng trốn thuế má lao dịch nghĩa vụ đi lính vào chùa làm Tam bảo nô quá đông. Sử sách ghi nửa nước dân vào chùa. Nhà nước không còn khống chế được nguồn đình điền để tiến hành chống xâm lược. Năm 1381 động viên các nhà sư còn khỏe mạnh đi lính đánh Chiêm Thành. Năm 1396 sa thải những tăng đạo chưa đến 50 tuổi. Nhà Hồ cải cách hạn chế sư sai tráng đình, hạn điền,... để văn hồi sức sống của nhà nước, nhưng đã quá muộn. Phải chờ đến địa chủ bình dân Lê Lợi khởi nghĩa mới giành lại được độc lập trong tay nhà Minh. Phật giáo bị đánh lui. Đất đai được triều đình sai quan lại khai hoang lập ấp thành làng xã mới, không xuất hiện điền trang Phật giáo hay quý tộc khai hoang nữa. Nhưng cho đến

trước Cách mạng tháng Tám, các chùa vẫn đều có ruộng chùa làm nguồn sinh sống cho tăng ni và hoạt động Phật sự.

Hiện nay, Phật giáo đang tìm kiếm một hình thức hoạt động xã hội mới. Đáng lưu ý có mấy hình thức sau đây:

Một, ở một số nước Phương Tây như Pháp, Mỹ thì Thiên tông và Phật giáo Tây Tạng đang được vận dụng chủ yếu vào việc luyện tập Thiền để giải tỏa căng thẳng (stress) của nhịp sống hối hả thiên về sinh hoạt vật chất do nền công nghiệp hiện đại đem đến. Những nước này do dân di cư Châu Á ngày càng đông nên hình thành một số tổ chức Phật giáo và nhiều nhất là các loại hoạt động mang tính chất Club. Nhưng Phật giáo chưa thâm nhập vào nền văn hóa Phương Tây.

Hai, ở Đài Loan thì xuất hiện một hình thức bố thí mới. Phật giáo tổ chức hoạt động kinh tế kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa để thu lợi nhuận. Lợi nhuận dùng vào việc bố thí cấp vĩ mô như mở các bệnh viện hiện đại, lập trường học vừa dạy kiến thức phổ thông vừa dạy giáo lý Phật giáo. Bố thí hiện đại xuất hiện.

Ba, Phật giáo Trung Quốc lại có một hình thức hoạt động chính trị xã hội khá độc đáo. Năm 1993, nhà Phật học Trung Quốc Triệu Phát Sơ đề xuất “sợi dây vàng” (hoàng kim nữ đá) gắn bó Phật giáo các nước Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật bản, đề xuất tổ chức Diễn đàn Phật giáo thế giới. Sau một thời gian vận động chuẩn bị, ngày 13 tháng 4 năm 2006 đã triệu tập Diễn đàn Phật giáo thế giới lần thứ nhất ở tỉnh Triết Giang, với sự tham dự của hơn 1.000 đại biểu của 37 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, gồm có các nhà sư, nhà Phật học, nhà quản lý,... Phía Việt Nam tham dự Diễn đàn này có ông Ngô Yên Thi, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ.

Khẩu hiệu của Diễn đàn là *Hòa hài thế giới tông Tâm khai thủy* (thế giới hài hòa bắt đầu từ Tâm). Tông Tâm khai thủy là Tâm tịnh quốc thổ tịnh, Tâm an chúng sinh an, Tâm bình thiên hạ bình. Đó là tư tưởng Lục Hòa mới (Tân Lục Hòa). Diễn đàn kết thúc vào ngày 17 tháng 4 năm 2006, ra *Tuyên ngôn Phổ Đà Sơn*, toàn văn như sau:

“Chúng ta cùng một tinh cầu chung hưởng thành quả phát triển cao của khoa học kỹ thuật, cũng cùng đối mặt với tai nạn môi trường và chiến loạn: môi trường ngày càng ô nhiễm, giàu nghèo càng cách biệt, bạo tố sóng thần nổi lên âm ỉ, dịch bệnh vô danh tràn lan, xung đột chiến loạn không dứt, khủng bố đột kích nảy nở. Ngoài chủ lưu hòa bình và phát triển ra, thế giới không hài hòa, người bất hòa, tâm không an.

Hòa bình là kì vọng vĩnh hằng của nhân loại, hài hòa là cảnh giới tốt đẹp mà nhân loại vươn tới.

Với tư cách là một trong những truyền thống tinh thần vĩ đại của nhân loại, bắt đầu từ Phật Tổ, Phật giáo luôn luôn truy cầu con đường thế giới hòa hài, nhân tâm an ninh. Con đường Phật giáo liên miên bất tuyệt, xét từ nguồn gốc minh tâm kiến tính, tự tịnh kỳ ý, tâm là cội nguồn chư pháp, nếu như người người đều tu tâm chính tâm, mở rộng tấm lòng, phóng đại tâm lượng, dập tắt tham sân si, từ cá nhân đến gia đình, từ gia đình đến khu vực, đến quốc gia, đến thiên hạ, thì tâm tịnh quốc thổ tịnh, tâm an chúng sinh an, tâm bình thiên hạ bình.

Nguyện bồi dưỡng thiện tâm, phát huy thiện hạnh thì nhân tâm hòa thiện.

Nguyện tình thân bền vững, ái tâm sung mãn thì gia đình hòa lạc.

Nguyện chân thành thông cảm, bình đẳng hỗ trợ thì quan hệ người với người hòa thuận.

Nguyện mỗi người đạt điều mong muốn, bình an với nhau kính trọng lẫn nhau thì xã hội hòa mục.

Nguyện mỗi người hưởng thụ, tôn trọng bao dung thì văn minh hài hòa.

Nguyện đem Tâm đối đãi Tâm, hóa oán thù thành hữu nghị thì thế giới hòa bình.

Mong chúng ta tuân theo lời dạy của Phật Tổ vĩ đại, Tâm thường nghĩ đến hòa hài, ý thường nghĩ đến hướng thiện làm nên mẫu mực hòa hài, thực hành giáo hóa Từ Bi thì nhân loại người người đồng tâm, thế giới tất phần vinh an lạc.

Thế giới hòa hài, người người đều có trách nhiệm, thế giới hòa hài bắt đầu từ Tâm.

Ngày 19 tháng 3 năm 2550 Phật lịch.

Ngày 16 tháng 4 năm 2006 Công nguyên⁽¹⁾.

Tuyên ngôn đề cập nhân tâm hòa thiện, gia đình hòa mục, nhân tế hòa thuận, xã hội hòa hài, nhân gian hòa mỹ, thế giới hòa bình, cuối cùng dẫn đến một thế giới hòa hài, không phân biệt quốc gia, dân tộc, không phân biệt giàu nghèo, không phân biệt tôn giáo tín ngưỡng.

Tư tưởng Tâm tịnh quốc thổ tịnh mang nội dung *Tịnh Thổ nhân gian* tức Tịnh Thổ ở trần gian vừa bảo vệ môi trường chống ô nhiễm thiên tai đại nạn vừa chống chiến tranh khủng bố tàn sát nhau, xây dựng thế giới thành một mảnh đất trong sạch (Tịnh Thổ) như thế giới Cực Lạc của Tông Tịnh Thổ (Độ). Tâm an chúng sinh an nhằm hòa giải mâu thuẫn giai cấp, giàu nghèo, đời sống bình yên. Tâm bình thiên hạ bình nhằm bảo vệ hòa bình thế giới.

Vận dụng tư tưởng Lục Hòa cổ điển của Phật giáo cải cách thành Tân Lục Hòa là bước phát triển giáo lý Phật giáo của Diễn đàn này.

Tư tưởng Lục Hòa cổ như sau:

Trong kinh Đại Thừa gọi là Lục Hòa Kính chỉ ý tăng lấy hòa hợp làm nghĩa vụ. Hòa hợp có hai nghĩa: Một, Lí Hòa là lí luận về Diệt như nhau, đạo của bậc thánh nhân đã kiến đạo. Hai, Sự Hòa, có 6 loại thuộc về các phạm tăng trước khi kiến đạo: Thân Hòa kính là thân nghiệp như nhau, Khẩu Hòa kính là khẩu nghiệp như nhau, Ý Hòa kính tức cùng ý nghiệp như nhau, Giới Hòa kính tức cùng một giới pháp như nhau, Kiến Hòa kính tức cùng kiến giải như nhau, Lợi Hòa kính tức cùng hưởng lợi ăn mặc như nhau. Lục Hòa kính còn có các cách gọi khác nhau nhưng nội dung giống nhau. *Nhân Vương kinh* viết: Người theo đạo Phật tu Lục Hòa kính. Tam nghiệp là Giới, Kiến, Học. Các kinh khác cũng giải nghĩa Lục Hòa kính như vậy. Giải thích đơn giản như *Tổ đình sự uyển*: “Lục Hòa: nhất, Thân Hòa cộng trụ; nhị, Khẩu Hòa vô tranh; tam, Ý Hòa đồng sự; tứ, Giới Hòa đồng tu; ngũ, Kiến Hòa đồng giải; lục, Lợi Hòa đồng quân. (Lục Hòa: một, Thân Hòa cùng trụ; hai, Khẩu Hòa không tranh cãi; ba, Ý Hòa cùng chung tín ngưỡng; bốn, Giới Hòa cùng giữ giới hạnh; năm, Kiến Hòa cùng quan điểm; lục, Lợi Hòa cùng hưởng thụ như nhau)⁽²⁾.”

Nói tóm lại, tư tưởng Lục Hòa cổ nói về sự tu hành của nhà sư bình thường phải lấy chữ Hòa làm gốc trong tu hành, không tranh chấp với đồng đạo.

Tân Lục Hòa cũng lấy chữ Hòa làm gốc. Phật giáo từ đầu đã bác bỏ thuyết Thần sinh bốn đẳng cấp của Bà La Môn giáo nên có tư tưởng mọi người sinh ra

1. Dẫn theo: Bạc Tịnh. *Liên tiếp thế giới Phật giáo luận đàn*, trong: *Tứ Xuyên tỉnh Phật giáo Hiệp hội* (chủ biên). *Tứ Xuyên: Nga My sơn Phật giáo*, năm 2006, tr. 12-13.

2. Đinh Phúc Bảo. *Phật học đại từ điển*. Từ điều *Lục Hòa Kính*, tr. 642.

bình đẳng, đều như nhau, đều Hòa. Nhưng chữ Hòa mới này mang tính chất toàn nhân loại chứ không chỉ của người xuất gia theo đạo Phật. Hòa xuất phát từ Tâm, đi từ cá nhân, đến gia đình, đến quốc gia, đến quốc tế để xây dựng trái đất thành một miền đất sạch (Tịnh Thổ) không ô nhiễm, không chiến tranh. Đó là Tịnh Thổ nhân gian, một hình thái mới của Tây Phương Tịnh Thổ.

Thuyết Tịnh Thổ nhân gian không phải một thuyết kinh tế học, cũng như bản thân Phật giáo không phải một học thuyết kinh tế. Cho nên, Max Weber đứng trên lập trường kinh tế học mà phê phán Phật giáo đề cao đạo Tin Lành là oan cho Phật giáo. Phật giáo là một học thuyết tinh thần, cung cấp món ăn tinh thần cho con người. Con người sản xuất ra thức ăn vật chất bố thí thức ăn vật chất cho nhà sư, nhà sư thuyết pháp bố thí thức ăn tinh thần cho thí chủ. Thuyết Tịnh Thổ nhân gian là một sáng tạo mới trong hoàn cảnh thế giới hiện nay giúp tạo ra hòa bình trong từng quốc gia và toàn thế giới thì kinh tế tất được phát triển nhanh chóng và hữu ích cho quốc gia, nhân loại.

Tuyên ngôn Phổ Đà Sơn là một phát triển mới của Phật giáo Trung Quốc, phát triển đạo Phật theo hướng Tịnh Độ và muốn tổ chức một kiết tập lần thứ 7 để khẳng định Tân Lục Hòa - Tịnh Thổ nhân gian.

Nhưng ở Trung Quốc cũng xuất hiện phong trào xây chùa, đúc tượng, đúc chuông lớn tại các tỉnh thành và cũng không phải đều theo hướng Tông Tịnh Độ.

Nhìn lại Việt Nam, nửa đầu thế kỉ XX đã từng hình thành phong trào chấn

hưng Phật giáo cũng lập ra Lục Hòa Liên Xã ở Nam Kỳ và cũng có xu hướng Tịnh Thổ ở Bắc Kỳ. Nhưng hiện nay, phong trào xây chùa, đúc tượng, đúc chuông lớn thật náo nhiệt. Trong hoàn cảnh kinh tế thị trường sôi động hiện nay, đất đai và tiền bạc là hai nhân tố quyết định mọi công trình xây dựng. Nhưng đối với các công trình xây chùa dựng thiền viện, đúc đại hồng chung, đúc tượng, tổ chức đàn cầu siêu quốc thái dân an, đưa cha mẹ lên chùa,... thì đất đai và tiền bạc không là gì cả. Muốn đất đai có đất đai, muốn tiền bạc có tiền bạc. Kinh tế thị trường đem lại tài sản cho thí chủ nhà doanh nghiệp. Vợ con họ lên chùa cầu phúc, cầu lộc, cầu nhất bản vạn lợi chứ không phải chủ yếu cầu lên Tịnh Thổ hay Niết Bàn. Những đối tượng đông đảo này không muốn làm Bồ tát! Họ cung cấp cho nhà sư đầy đủ cuộc sống vật chất. Chùa Hương đã vì vậy mà sinh ra bao nhiêu sự cố! Kinh tế thị trường đã “chấn hưng” Phật giáo như thế đó. Còn để đáp lại kinh tế thị trường thì một số hoạt động chính trị xã hội, hoạt động cứu tế của Phật giáo vẫn duy trì như xưa, duy chỉ việc xem ngày giờ, cúng sao giải hạn là sôi động. Một số người khoác áo vàng mang bình bát đi khất thực thì đã bị công an bắt vì là “sư róm” dù rằng dân chúng vẫn có người bố thí cho họ.

Theo tôi, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nên học tập Phật giáo thế giới, nhất là Phật giáo Đài Loan về quan hệ kinh tế thị trường với giáo lí cứu thế, chủ yếu là phải thay đổi hình thức bố thí có từ hàng nghìn năm, phải chuyển từ bố thí cổ điển sang bố thí hiện đại./.